

Bản án số: 188/2018/HS-ST

Ngày: 05/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Thẩm phán: Ông Phan Văn Liệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Giáo

2/ Bà Nguyễn Hồng Hà

3/ Bà Lê Vũ Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 232/2018/HSST,
ngày 16/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2231/2018/QĐXXST-
HS ngày 15/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Lê Hoàng D; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1973 tại: Sài Gòn;
Thường trú: Phòng 105, số 108-110 Lê Lợi, phường A, Quận B, Thành phố C;
Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật;
Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (chết) và bà Lê Thị Thu H; Vợ
Bùi Thị T2 (đã ly hôn) và có 01 con (sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 18/5/1989, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt vì có
hành vi “Cưỡng bức lao động”.

+ Ngày 30/4/1992, Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt vì có
hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân”.

+ Ngày 23/11/1998, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03
năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” và “Trộm cắp tài sản của công dân”
theo bản án số: 2444/HSST.

+ Ngày 29/6/2004, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo bản án số: 201/HSST.

+ Ngày 09/01/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số: 15/2005/HSST.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 13/6/2014 (có mặt).

2. Mai Thị Thanh T; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1976 tại tỉnh Bình Định; Thường trú: B10.01 chung cư Hoàng Anh Gia Lai, số 357 Lê Văn Lương, phường Q, Quận D, Thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Quang T2 và bà Nguyễn Thị L2; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 13/6/2014 (có mặt).

3. Đoàn Thị Bảo Tr; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1993 tại Thành phố Cần Thơ; Thường trú: 138 tổ 2, ấp R, xã T, huyện Y, Thành phố U; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn B và bà Trần Thị T3; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 12/6/2014 (có mặt).

4. Huỳnh Thị Tuyết M; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1978 tại tỉnh Hậu Giang; Thường trú: ấp 3 thị trấn M, huyện N, tỉnh V; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Thanh H3 và bà Lê Thị Đ; Chồng Lâm Quang N (không đăng ký kết hôn) và có 01 con (sinh năm 1999); Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 11/6/2014 (có mặt).

5. Đoàn Ngọc Đ; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 166/111/3 Ter Đoàn Văn Bơ, Phường X, Quận Z, Thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Quang H4 và bà Đào Thị P; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 13/6/2014 (có mặt).

6. Nguyễn Văn N; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1964 tại Sài Gòn; Thường trú: 169/2 Bạch Đằng, Phường K, quận G, Thành phố C; Chỗ ở: 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị X; Vợ Trần Thị Kim N và có 01 con (sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 13/6/2014 (có mặt).

- Người bào chữa:

1. Bà Lê Nguyễn Quỳnh Thi – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh – Đoàn luật sư tỉnh Long An bào chữa cho bị cáo Đoàn Thi Bảo Tr (có mặt).

3. Bà Trần Thị Hồng Thanh – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M (có mặt).

4. Ông Đỗ Hải Bình – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn văn N (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Đoàn Thi Bảo Y

Sinh năm: 1990

Thường trú: 138 tổ 2, ấp R, xã T, huyện Y, Thành phố U (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 45 phút, ngày 11/6/2014, tại nhà số C6/5 Võ Văn Vân, xã F, huyện K, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Huỳnh Thị Tuyết M có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 túi nilon chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 100,0900gr, loại Methamphetamine. Khám xét nơi ở của M, cơ quan Công an còn thu giữ được một số dụng cụ phục vụ cho việc mua bán ma túy. Qua đấu tranh, M khai nhận: số ma túy tổng hợp trên vừa mua của vợ chồng Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T đem về để bán lại.

Vào lúc 23 giờ 30 phút, ngày 11/6/2014, tại nhà số 128 Nguyễn Thái Học, phường L, quận K, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Đoàn Thị Bảo Tr (tên khai man Đoàn Thị Bảo Y) có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 túi nilon chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 50,0042gr, loại Methamphetamine và khối lượng 2,9130gr, loại Ketamine. Qua đấu tranh, Tr khai nhận: Số ma túy tổng hợp trên Tr mua của một đối tượng tên Trung (không rõ nhân thân, lai lịch) để đem về để bán cho vợ chồng Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Căn cứ vào lời khai của Huỳnh Thị Tuyết M và Đoàn Thị Bảo Tr. Ngày 12/6/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành khám xét nơi ở và bắt khẩn cấp Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T tại số 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B và đã thu giữ số vật chứng sau:

- Thu giữ trong két sắt tại lầu 1:

+ 05 viên nén tròn màu cam trong vỉ Erimin 5, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,89gram, loại Nimetazepam.

+ 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, khối lượng 400,5328gram, qua giám định không tìm thấy thành phần ma túy và tiền chất thường gặp.

- Thu giữ trên sàn nhà cạnh tivi lầu 1:

+ 01 gói nylon chứa 70 viên nén tròn màu trắng khắc hình trái táo, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,5469gram, loại MDMA.

+ 01 gói nylon chứa 390 viên nén tròn màu cam khắc chữ “VL”, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 116,1011gram, loại MDMA.

+ 01 gói nylon chứa chất bột màu hồng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 71,018gram, loại Ketamine.

+ 04 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 11,5398gram, loại Methamphetamine (MA).

+ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9089gram, loại Ketamine.

+ 09 gói nylon chứa tinh thể màu trắng mịn, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 26,5996gram, loại Ketamine.

+ 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng mịn, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 53,5921gram, loại Ketamine.

+ 02 gói nylon chứa tinh thể không màu và chất bột màu trắng, khối lượng 30,0999gram, qua giám định không tìm thấy thành phần ma túy và tiền chất thường gặp.

- Thu giữ tại góc tường cạnh tivi lầu 1:

+ 01 khuôn kim loại tròn màu vàng có lỗ ở giữa và 2 trụ kim loại màu trắng, qua giám định tìm thấy dấu vết chất ma túy ở thể rắn, loại MDMA và Ketamine.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục khám xét nhà thuê của D và T tại số 878/3 Quang Trung, phường J, quận I, còn thu giữ được:

- 01 bình nhựa màu vàng, chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 92,3275gr, loại Ketamine.

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, khối lượng 45,4782gram, qua giám định không tìm thấy thành phần ma túy và tiền chất thường gặp.

Số ma túy thu giữ đã được trưng cầu giám định với các Kết quả giám định số: 1175/KLGD-H ngày 01/7/2014; số: 1174; số: 1177 và số: 1178/KLGD-H ngày 14/7/2014 và Kết luận giám định bổ sung số 85; 86; 87;

88/KLGĐBS-H ngày 19/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, vào ngày 13/6/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Đoàn Ngọc Đ là đối tượng phụ bán và mua ma túy của D và T để bán lại và Nguyễn Văn N là người cho D và T thuê nhà tại số 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B, để sau đó D và T sử dụng địa điểm này để bán ma túy cho các đối tượng nghiện.

Hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N như sau:

Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T khai nhận: Bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 5/2014 cho đến khi bị bắt, nguồn ma túy D mua của đối tượng tên Quân (không rõ lai lịch) với số lượng ma túy ở thể rắn là 50gram, loại Methamphetamine (MA) với giá 40.000.000 đồng và T mua của các đối tượng Hồng, Út (không rõ lai lịch) với số lượng ma túy ở thể rắn là 150gram, loại Methamphetamine (MA) với giá 35.000.000 đồng/50gram và 100gram, loại Ketamine với giá 25.000.000 đồng (tổng cộng 200gram, loại MA và 100gram, loại Ketamine).

Từ ngày 10/6/2014 cho đến khi bị bắt, D và T còn mua của Đoàn Ngọc Bảo Tr được 03 lần, trong đó 02 lần với số lượng 50gram, loại Methamphetamine (MA) với giá 8.700.000 đồng/10gram, lần thứ 03 vào ngày 11/6/2014, D và T mua ma túy tổng hợp của T với số lượng 50,0042gram, loại Methamphetamine (MA) và 2,913gram, loại Ketamine, nhưng Tr chưa giao ma túy cho D và T thì bị phát hiện bắt quả tang (lời khai của Bảo Tr phù hợp với lời khai của D và T).

Ngoài ra, trước đó D có cho người bạn tên Bảo (không rõ lai lịch) mượn 90.000.000 đồng nhưng Bảo không có tiền trả, nên khoảng tháng 5/2014, D được Bảo đưa cho số ma túy gồm: 70 viên nén có khắc hình trái táo, có khối lượng 18,5469gram, loại MDMA; 390 viên nén có khắc hình chữ “VL”, có khối lượng 116,1011gram, loại MDMA và 01 gói nylon, có khối lượng 71,018gram, loại Ketamine để D bán cho các đối tượng nghiện lấy tiền trừ vào số tiền nợ, nhưng D chưa kịp bán thì bị bắt, số ma túy này D không cho T biết.

Đồng thời, cũng trong tháng 5/2014, T được người bạn tên Đạt (không rõ lai lịch) đem gởi T 01 bình nhựa, khối lượng 92,3275gram, loại Ketamine và 01 bộ dụng cụ kim loại dùng để ép viên, đồng thời Đạt rủ T ép số bột trên thành viên thuốc lắc để đem bán kiếm lời, nhưng cả 2 chưa thực hiện và T đem cất tại nhà thuê số 878/3 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp thì Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện thu giữ, số ma túy này T không nói cho D biết.

Số ma túy tổng hợp mua được của Trân, Hồng, Út và Quân, vợ chồng D và T đã phân nhỏ ra để bán lại cho nhiều đối tượng nghiện, trong đó bán cho Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N như sau:

Từ tháng 5/2014 cho đến khi bị bắt, Mai Thị Thanh T bán ma túy cho Huỳnh Thị Tuyết M tổng cộng được 11 lần, trong đó có 08 lần mỗi lần 01 gói 5gram với giá 5.000.000 đồng/1 gói (tổng cộng 40gram); 02 lần mỗi lần 01 gói 10gram (tổng cộng 20gram) và lần cuối cùng vào ngày 11/6/2014, Mai mua của T 100,0914gram, loại Methamphetamine (MA) với giá 97.000.000 đồng, khi M trên đường mang số ma túy này về nhà thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang. Như vậy, T đã bán cho Tuyết M tổng cộng 160,0914gram, loại Methamphetamine (MA), (lời khai của Tuyết M phù hợp với lời khai của D và T).

Mai Thị Thanh T bán ma túy cho Đoàn Ngọc Đ được khoảng 1 tháng, trung bình khoảng từ 04 đến 05 ngày, Đ đến nhà T mua ma túy và T đã bán ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (MA) được 02 lần. Lần thứ 01, mua 01 gói 1,5gram với giá 1.500.000 đồng; lần thứ 02 mua 01 hộp 05gram với giá 5.000.000 đồng, số ma túy này Đ sử dụng và bán lại cho bạn bè quen biết của Đ. Ngoài ra, khi Đ đến nhà T mua ma túy, thì T còn gửi cho Đ bán giúp cho T ma túy dạng Ketamine được 02 lần. Lần thứ 01 T giao cho Đ 05 gói ma túy, mỗi gói 01gram, loại Ketamine; Lần thứ 02, T giao cho Đ 07 gói ma túy, mỗi gói 01gram, loại Ketamine (tổng cộng 02 lần 12gram, loại Ketamine) để Đ bán lại cho đối tượng nghiện với giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/1gói và T trả công cho Đ từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/1 gói Ketamine khi Đ bán được số ma túy này, (lời khai của Đ phù hợp với lời khai của D và T).

Khoảng đầu tháng 6/2014 cho đến khi bị bắt, qua bạn bè giới thiệu, vợ chồng D và T bắt đầu thuê nhà số 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B, do Nguyễn văn N quản lý. Tại đây, D và T đã bán ma túy cho N được 04 lần, trong đó 03 lần, mỗi lần 01 gói ma túy tổng hợp (MA) với giá 500.000 đồng và 01 lần 01 gói ma túy giá 1.000.000 đồng nhưng Nghĩa trả bằng hộp nhạc đồ chơi (tổng cộng T đã bán cho Nghĩa 2,5gram (MA) ma túy tổng hợp). Sau khi biết D và T bán ma túy tại nhà mà N cho thuê, N đồng ý phụ giúp mở, đóng cửa cho vợ chồng D và T khi có đối tượng nghiện đến mua ma túy và T trả công cho N bằng cách bán rẻ ma túy để N sử dụng và cho N mượn xe gắn máy để sử dụng đi lại nhiều lần mà không phải trả tiền (lời khai của N phù hợp với lời khai của D và T).

Số ma túy mua được của Trân, Hồng, Út và Quân còn lại gồm: 11,5398gram, loại Methamphetamine (MA) và 85,1006gram, loại Ketamine, Thủy để tại nhà thuê số 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B, tiếp tục bán thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt giữ và thu giữ được như trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu thập được.

Bản Cáo trạng số: 151/CTr-VKSTP-P1, ngày 10/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự;

- Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự;

- Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D 20 (hai mươi) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Mai Thị Thanh T từ 18 (mười tám) năm tù đến 20 (hai mươi) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Mai Thị Thanh T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Đoàn Ngọc Đ từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Ngọc Đ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn văn N từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn văn N số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về vật chứng:

Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư Thi bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T thống nhất tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo D và T. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M chỉ có 100,0914gram, loại Methamphetamine. Đối với trọng lượng 60gram, loại Methamphetamine chỉ là ma túy truy xét nên không thể buộc bị cáo T phải chịu trách nhiệm chung với trọng lượng ma túy bị bắt quả tang. Tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Luật sư Hạnh bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr không thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần. Bị cáo T chỉ giao ma túy dùm cho đối tượng tên Trung, bị cáo không biết trọng lượng ma túy, giá tiền mua bán ma túy. Vì vậy, bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với trọng lượng 50,0042gram, loại Methamphetamine và 2,913gram, loại Ketamine nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T. Ngoài ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Thanh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M thống nhất tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo M. Tuy nhiên, bị cáo có con nhỏ, trình độ học vấn thấp, không có nghề nghiệp, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số lượng ma túy chưa phát

tán ra ngoài xã hội nên khi lượng hình cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Bình bào chữa cho bị cáo Nguyễn văn N thống nhất về phần tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo N. Tuy nhiên, luật sư không thống nhất về khung hình phạt, tại thời điểm lấy lời khai của bị cáo Nghĩa thì bị cáo biết bị cáo M và bị cáo Đ tới nhà của bị cáo để mua ma túy của bị cáo D và bị cáo T. Tuy nhiên, thời điểm bị cáo mở cửa cho bị cáo M và bị cáo Đ thì bị cáo N không biết họ tới gặp bị cáo D và bị cáo T để mua ma túy. Tại các phiên tòa trước đây và phiên tòa hôm nay bị cáo D và bị cáo T cũng thừa nhận điều này, vì vậy đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo N giúp sức cho bị cáo D và bị cáo T nhiều lần là suy đoán bất lợi cho bị cáo N. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt cho bị cáo N, áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật xử bằng bị cáo N bằng thời gian tạm giam, trả tự do cho bị cáo N tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận: Đối với quan điểm bào chữa của luật sư Thi thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo D và bị cáo T đã có sự phân hóa và xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Tr từ ngày 10/6/2014 cho đến khi bị bắt, T đã bán ma túy cho D và T được 03 lần; 02 lần đầu với khối lượng 50gram, loại Methamphetamine và lần thứ 03 Tr đem 50,0042gram, loại Methamphetamine và 2,913gram, loại Ketamine để bán cho D và T thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận lời bào chữa của luật sư. Đối với quan điểm bào chữa của luật sư Thanh thì do Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo N là người quản lý căn nhà mà bị cáo D và bị cáo T thuê ở, bản thân bị cáo là người mua ma túy của D và T để sử dụng, bị cáo cũng biết D và T mua bán ma túy. Vì vậy, bị cáo N nhiều lần mở cửa cho M và Đ mua ma túy của D và T nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của mình.

Luật sư Bình tranh luận: căn cứ lời khai của bị cáo D và bị cáo T có tại hồ sơ vụ án thì D và T không biết được bị cáo N biết các bị cáo khác liên hệ với họ để mua bán ma túy. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D và bị cáo T cũng thừa nhận điều này nên việc truy tố bị cáo mua bán trái phép chất ma túy tại điểm b khoản 2 Điều 194 là không có cơ sở.

Các bị cáo không bổ sung nội dung bào chữa của các luật sư.

Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung, biên bản ghi lời khai, biên bản sự việc, biên bản nhận dạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét hành vi của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét:

Đối với bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T, từ tháng 5/2014 cho đến khi bị bắt, D và T đã mua ma túy ở thể rắn của bị cáo Đoàn Ngọc Bảo Tr và các đối tượng Hồng, Út, Quân về phân ra và bán lại cho các đối tượng nghiện. Trong đó D và T bán cho Huỳnh Thị Tuyết M tổng cộng 160gram, loại Methamphetamine; bán cho Đoàn Ngọc Đ 6,5gram, loại Methamphetamine và 13gram, loại Ketamine và bán cho Nguyễn văn N tổng cộng 2,5gram, loại Methamphetamine. Số ma túy còn lại gồm 11,5398gram, loại Methamphetamine và 85,1006gram, loại Ketamine, D và T chưa kịp bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ được vào ngày 13/6/2014.

Ngoài ra, bị cáo D còn nhận số ma túy của đối tượng tên Bảo (không rõ lai lịch) có khối lượng 205,666gram, (71,018gram loại Ketamine +

134,648gram loại MDMA) để bán lại cho đối tượng nghiện, nhưng chưa bán thì bị phát hiện thu giữ. Số ma túy trên D không cho T biết, nên không có cơ sở để buộc T phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy này.

Còn bị cáo T nhận số ma túy của đối tượng tên Đạt (không rõ lai lịch) có khối lượng 92,3275gram, loại Ketamine để cùng Đạt ép ra thành viên bán lại cho đối tượng nghiện, nhưng chưa thực hiện thì bị phát hiện thu giữ. Số ma túy trên T không cho D biết, nên không có cơ sở để buộc D phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy này.

Như vậy, Nguyễn Lê Hoàng D phải chịu trách nhiệm hình sự khối lượng 484,3064gram, loại Methamphetamine, loại MDMA và loại Ketamine (302,3064gram bị bắt quả tang và 182gram đã bán cho Mai, Điệp và Nghĩa). Mai Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng 370,9679gram, loại Methamphetamine và Ketamine (188,9679gram bị bắt quả tang và 182gram đã bán cho M, Đ và N).

Tuy nhiên, Kết luận giám định số: 62/KLGD-HL, ngày 05/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì 11,5398gram có thành phần Methamphetamine có hàm lượng 77,59% (tương đương 8,9537gram Methamphetamine) và 100,0900gram có thành phần Methamphetamine có hàm lượng 77,15% (tương đương 77,2194gram Methamphetamine).

Như vậy, Nguyễn Lê Hoàng D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng **458,8497gram**, loại Methamphetamine và Ketamine. Mai Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng **345,5112gram**, loại Methamphetamine và Ketamine.

Hành vi của Nguyễn Lê Hoàng D và Mai Thị Thanh T đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr từ ngày 10/6/2014 cho đến khi bị bắt, Trân đã bán ma túy tổng hợp cho D và T được 03 lần. Trong đó, 02 lần đầu với khối lượng 50gram, loại Methamphetamine và lần thứ 03 Tr đem 50,0042gram, loại Methamphetamine và 2,913gram, loại Ketamine để bán cho D và T thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy, bị cáo Tr phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng **102,9172gram**, loại Methamphetamine và Ketamine (52,9172gram bị bắt quả tang + 50gram đã bán trước đó cho D và T)

Hành vi của Đoàn Thị Bảo Tr đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với trọng lượng ma túy 50,0042gram, loại Methamphetamine và 2,913gram, loại Ketamine và áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với Huỳnh Thị Tuyết M từ tháng 5/2014 cho đến khi bị bắt, M đã mua ma túy tổng hợp của D và T để về phân nhỏ ra bán lại cho các đối tượng nghiện kiếm lời. Tổng cộng, M đã mua ma túy được 11 lần, trong đó có 08 lần mỗi lần 01 gói 5gram (tổng cộng 40gram); 02 lần sau mỗi lần 01 gói 10gram (tổng cộng 20gram) và lần cuối cùng vào ngày 11/6/2014, Mai mua của Thủy 100,0914gram, loại Methamphetamine, khi M trên đường về nhà thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy, Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng 160,0914gram, loại Methamphetamine (100,0914gram bị bắt quả tang + 60gram đã mua trước đó với D và T).

Tuy nhiên, Kết luận giám định số: 62/KLGĐ-HL, ngày 05/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì 100,0900gram có thành phần Methamphetamine có hàm lượng 77,15% (tương đương 77,2194gram Methamphetamine).

Như vậy, Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng **137,2208gram**, loại Methamphetamine.

Hành vi của Huỳnh Thị Tuyết M đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với Đoàn Ngọc Đ từ tháng 5/2014 cho đến khi bị bắt Đ đã mua ma túy tổng hợp của D và T được 02 lần. Lần thứ 01, Đ mua 01 gói 1,5gram, loại Methamphetamine; lần thứ 2, Đ mua 1 hộp 5gram, số ma túy này Đ sử dụng và bán lại cho bạn bè quen biết của Đ. Ngoài ra, Mai Thị Thanh T còn gửi cho Đ bán giúp cho T ma túy ở thể rắn, loại Ketamine được 02 lần. Lần thứ 01 T giao cho Đ 05 gói ma túy, mỗi gói 1gram Ketamine; lần thứ 2 T giao cho Đ 07 gói ma túy, mỗi gói 1gram Ketamine để Đ bán lại cho đối tượng nghiện và T trả công cho Đ từ 50.000đ đến 100.000đ/1 gói Ketamine khi Đ bán được số ma túy này. Như vậy, Đoàn Ngọc Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thể rắn, có khối lượng **18,5gram**, loại Methamphetamine và Ketamine (6,5gram Methamphetamine + 12gram Ketamine).

Hành vi của Đoàn Ngọc Đ đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn văn N từ tháng 6/2014 cho đến khi bị bắt, N đã mua ma túy của T được 04 lần (03 lần mua 01 gói ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine với giá 500.000đ và 01 lần mua 01 gói ma túy giá 1.000.000 đồng). Tổng cộng T đã bán cho Nghĩa **2,5gram**, loại Methamphetamine. N có hành vi phụ giúp mở, đóng cửa cho vợ chồng D và T khi có đối tượng nghiện đến mua ma túy và T trả công cho N bằng cách bán rẻ ma túy để N sử dụng và cho N mượn xe gắn máy để sử dụng đi lại nhiều lần mà không phải trả tiền. Bị cáo N ý thức được việc mở cửa cho D và T là phụ giúp D và T mua bán ma túy. Tuy nhiên, bị cáo N là người quản lý và cho bị cáo D và T thuê căn nhà số 198-200 Đinh Tiên Hoàng, phường S, Quận B, Thành phố C do đó không có căn cứ xác định bị cáo N nhiều lần mở cửa cho những người tới nhà liên hệ bị cáo D và T thì bị cáo Nghĩa bắt buộc phải biết được họ tới để mua ma túy của bị cáo D và T.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo N và chấp nhận lời bào chữa của luật sư.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước Việt Nam về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Các bị cáo biết rõ ma túy là chất độc hại, nó đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người sử dụng. Do đó, nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, mua bán, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm khắc với những ai cố tình vi phạm. Tuy nhiên, vì muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên các bị cáo đã vi phạm pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần có một mức án tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn phải nộp phạt theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đoàn Ngọc Đ và bị cáo Nguyễn văn N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội có vai trò hạn chế nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đ và bị cáo N.

Các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr và Huỳnh Thị Tuyết M nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, vì vậy cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải để từ đó áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Riêng bị cáo Mai Thị Thanh T phạm tội có phần hạn chế hơn so với bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, bị cáo nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật

hình sự cho bị cáo. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thủy dưới khung hình phạt.

Đối với các đối tượng Hồng, Út, Quân, Đạt, Bảo là những người cung cấp nguồn ma túy cho vợ chồng Doanh và Thủy. Do Doanh và Thủy khai không biết rõ nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xác minh xử lý theo pháp luật.

Đối với một số bộ phận bằng kim loại của súng tự chế và 17 viên đạn thu giữ được của Nguyễn Lê Hoàng D. D khai do một người bạn tên Vũ (không rõ lai lịch) nhờ cất giữ dùm. Theo kết luận giám định số: 831/KLGD-TT ngày 06/8/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *“Các bộ phận bằng kim loại gửi giám định là các bộ phận của súng tự chế nhưng do các bộ phận không lắp ráp được hoàn chỉnh thành một khẩu súng để bắn thực nghiệm nên không xác định được tính năng, tác dụng, chủng loại vũ khí”*; *“17 viên đạn bao gồm: 3 viên đạn cỡ 9x18mm, ký hiệu 38-87 là đạn quân dụng sử dụng cho súng cỡ nòng 9mm; 14 viên đạn là đạn thể thao quốc phòng, sử dụng cho súng cỡ nòng 5,6mm”*. Căn cứ kết luận giám định, nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Lê Hoàng D về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có cơ sở.

Đối với 05 viên nén tròn màu cam trong vỉ Erimin 5, có khối lượng 0,89gram, loại Nimetazepam. Mai Thị Thanh T khai nhận số thuốc trên là thuốc ngủ do một người bạn (không rõ lai lịch) cho để sử dụng. Do trọng lượng ma túy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xử lý đối với Mai Thị Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có cơ sở.

Về xử lý vật chứng.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của các bị cáo.

- Đối với 01 (một) loa nghe nhạc thu giữ của bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M; 01 (một) số bộ phận bằng kim loại và 17 (mười bảy) viên đạn bỏ trong một hộp niêm phong có dấu niêm phong của cơ quan điều tra, 01 (một) vali, 01 (một) con đội; 02 (hai) cục kim loại, 01 (một) thanh kim loại; 01 (một) cây búa; 02 (hai) trụ kim loại dùng để ép ma túy là những vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng, là vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 06 (sáu) điện thoại di động các loại; 02 (hai) máy tính bảng; 03 (ba) cân điện tử; 03 (ba) camera và 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 03 (ba) điện thoại di động các loại; 01 (một) cân điện tử thu giữ của bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 (hai) điện thoại di động và 20.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone; 20.000.000 đồng; 450 USD (đô la Mỹ) và 01 (một) xe mô tô biển số 59C2-248.90 thu giữ của bị cáo Đoàn Ngọc Đ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo Nguyễn văn N liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) giấy đăng ký xe biển số: 63B6-025.72 do Lê Thị Ngọc Hân đứng tên (chị Hân khai nhận vào khoảng tháng 2/2014 chị Hân làm mất giấy đăng ký xe và hiện nay đã làm lại giấy đăng ký xe mới và chị Hân không yêu cầu nhận lại) thu giữ của bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr nên cần lưu cùng hồ sơ của vụ án.

- Đối với 01 (một) hộ chiếu số B5796737 mang tên Đoàn Thị Bảo Y Hội đồng xét xử trả lại chị Đoàn Thị Bảo Y.

Thông báo trên các thông tin đại chúng đối với các vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D và Đoàn Ngọc Bảo Tr là 03 (ba) chiếc xe mô tô trong vòng 6 tháng kể từ ngày đăng báo nếu không có chủ sở hữu đến nhận thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 59E1-381.37, qua xác minh có số khung, nhưng số máy đã bị mài, đục lại nên không xác định được số nguyên thủy. Xác minh biển số xe do ông Đầu Hữu P (ngụ tại 156 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, quận Phú Nhuận) là chủ sở hữu, hiện ông Phúc không còn tại địa phương và không xác định được chỗ ở của ông P. Nguyễn Lê Hoàng D khai nhận chiếc xe trên D mua của những người buôn bán xe ở khu vực Quận 11 (không rõ lai lịch). Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ.

+ Đối với xe 01 (một) mô tô biển số: 59K1-319.27, qua xác minh do chị Dương Ngọc Minh T (ngụ tại 82DS24 KDC Bình Phú, Phường 11, Quận 6) đứng tên chủ sở hữu. Hiện nay, chị T đã đi khỏi địa phương, không xác định được nơi ở mới, Nguyễn Lê Hoàng D khai nhận chiếc xe trên D cầm của một người bạn (không rõ lai lịch) với giá 10.000.000đồng.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 63B6-02572, qua xác minh số khung không xác định được số nguyên thủy, số máy còn nguyên. Xác minh

biển số xe do chị Lê Thị Ngọc H (ngụ tại ấp 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang) là chủ sở hữu, chị H khai nhận vào khoảng tháng 2/2014 chị H làm mất giấy đăng ký xe và hiện nay đã làm lại giấy đăng ký xe mới để tiếp tục sử dụng chiếc xe do chị H đã đăng ký. Đoàn Ngọc Bảo Tr khai nhận chiếc xe trên do đối tượng tên Trung (không rõ lai lịch) đưa cho Tr để sử dụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D, Mai Thị Thanh T, Đoàn Thị Bảo Tr, Huỳnh Thị Tuyết M, Đoàn Ngọc Đ và Nguyễn văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D.

1. Xử phạt: Nguyễn Lê Hoàng D **20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2014.

Buộc bị cáo Nguyễn Lê Hoàng D phải nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Thị Thanh T.

2. Xử phạt: Mai Thị Thanh T **19 (mười chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2014.

Buộc bị cáo Mai Thị Thanh T phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr và Huỳnh Thị Tuyết M.

3. Xử phạt: Đoàn Thị Bảo Tr **15 (mười lăm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2014.

Buộc bị cáo Đoàn Thị Bảo Tr phải nộp phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Xử phạt: Huỳnh Thị Tuyết M **15 (mười lăm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2014.

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M phải nộp phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Ngọc Đ

5. Xử phạt: Đoàn Ngọc Đ **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Nghĩa.

6. Xử phạt: Nguyễn văn N **05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2014.

- Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 09 (chín) gói NP gồm: 02 (hai) gói số 1177/2014; 04 (bốn) gói số 1178/2014; 01 (một) gói số 1175/2014; 01 (một) gói số 1174/2914; 01 (một) gói số 1178.

+ 01 (một) hộp NP bên ngoài có dấu NP của Cơ quan CSĐT.

+ 01 (một) bình hút ma túy.

+ 01 (một) valy.

+ 01 (một) loa phát nhạc.

+ 01 (một) con đội.

+ 02 (hai) cục KL.

+ 01 (một) KL.

+ 01 (một) miếng KL.

+ 01 (một) cây búa.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 03 (ba) ĐTDĐ Iphone TQ.

+ 01 (một) ĐTDĐ LG – 356772-04-431141-7.

+ 01 (một) ĐTDĐ Jeep – không số.

+ 01 (một) ĐTDĐ Lenovo – 868200006381872.

+ 01 (một) ĐTDĐ Samsung – 359107/04/245700/2.

+ 01 (một) ĐTDĐ Pop Mobi – 161620130666888.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 355219/03/833557/3.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 354187/02/192608/1.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 359800/807480/8.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 353242/01/653490/2.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 351962/03/668861/8.

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia – 358160/07/099636/8.

+ 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: 02 bánh,

số loại: Luvias, biển số 59C2-248.90, SK: RLCL44S10CY068632, SM: 44S1-068642.

- + 02 (hai) máy tính bảng Ipad.
- + 04 (bốn) cân điện tử
- + 03 (ba) camera.
- + 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.
- + 450 (bốn trăm năm mươi) USD (đô la Mỹ).

Trả lại cho:

- + Chị Đoàn Thị Bảo Y 01 (một) hộ chiếu số B5796737.

Lưu cùng hồ sơ vụ án:

- 01 (một) giấy đăng ký xe biển số: 63B6-025.72.

Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với:

+ 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: SH150i, biển số: 59E1-381.37, SK: RLHKF1109BY212179 (đọc lại), SM: KF08E-5023577-KTG E1 (đọc lại).

+ 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Future 125, biển số: 59K1-319.27, SK: RLHJC5328CY012425, SM: JC54E-0023534.

+ 01 (một) xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Click, biển số: 63B6-025.72-319.27, SK: không, SM: JF18E-0231105.

sau thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày đăng báo nếu không có chủ sở hữu đến nhận thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 290/15 ngày 06 tháng 4 năm 2015 tại kho 253/5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 394909059775, ngày 10/7/2014 tại kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chứng nhận nộp tiền của Ngân hàng Vietcombank, số HD-Invoice No: 091214.2770.0011).

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- THA HS; (7)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (6)
- Bị cáo; (6)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (6)
- Người bào chữa; (4)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (42) (4)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hoài Nam